

Tăng tỷ trọng

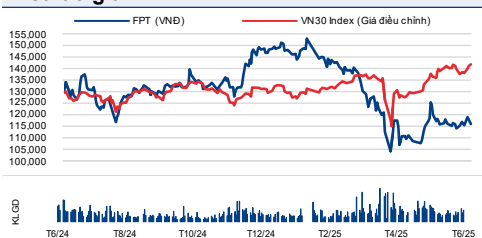
Giá mục tiêu: VND140,600

Tiềm năng tăng/giảm: 21.2%

Giá cổ phiếu (đồng) (19/6/2025)	116,000
Mã Bloomberg	FPT VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	104,207-152,988
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	117,700
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	171,834
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	6,577
Slg CP lưu hành (tr.đv)	1,481
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	726
Slg CP NN được mua (tr.đv)	107
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	41.8%
Tỷ lệ freefloat	78.8%
Cổ đông lớn	Trương Gia Bình (7.07%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	62,849	71,099	81,696
EBITDA đc (tỷ đồng)	13,044	14,981	17,061
LNTT (tỷ đồng)	11,070	12,887	14,880
LNT ĐC (tỷ đồng)	7,849	9,042	10,408
FCF (tỷ đồng)	8,428	5,833	8,542
EPS ĐC (đồng)	4,917	5,621	6,470
DPS (đồng)	2,000	2,500	2,500
BVPS (đồng)	20,253	23,286	27,256
T.trưởng EBITDA (%)	21.5	14.9	13.9
T.trưởng EPS ĐC (%)	5.47	14.3	15.1
Tăng trưởng DPS (%)	0	25.0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.8	21.1	20.9
Tỷ suất LNTT (%)	17.6	18.1	18.2
Tỷ suất LNT ĐC (%)	12.5	12.7	12.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	40.7	44.5	38.6
Nợ thuần/VCSH (%)	20.8	19.4	12.4
ROAE (%)	28.7	28.2	27.8
ROACE (%)	31.0	29.1	28.9
EV/doanh thu (lần)	2.80	2.50	2.15
EV/EBITDA ĐC (lần)	13.5	11.9	10.3
P/E ĐC (lần)	23.6	20.6	17.9
P/B (lần)	5.73	4.98	4.26
Lợi suất cổ tức (%)	1.72	2.16	2.16

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

FPT đang chuyển mình từ một đơn vị gia công phần mềm trở thành công ty công nghệ thực thụ trên phạm vi toàn cầu.

Chuyên viên phân tích

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp & nga.ttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Những nội dung chính từ Hội nghị HSC Emerging Vietnam

- Do nhu cầu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài từ đầu năm đến nay yếu hơn kỳ vọng, FPT đã điều chỉnh kế hoạch tăng trưởng lợi nhuận thuần năm 2025 xuống mức 15%, so với kế hoạch ban đầu là tăng trưởng trên 20%. Con số này sát với dự báo năm 2025 của HSC là lợi nhuận thuần tăng trưởng 15,2%.
- Công ty kỳ vọng nhu cầu mảng dịch vụ CNTT nước ngoài sẽ phục hồi dần trong nửa cuối năm 2025 khi các bất ổn liên quan đến thuế quan được giải quyết. Theo thị trường, FPT kỳ vọng doanh thu năm 2025 tăng trưởng 7% tại Mỹ, 20% tại châu Âu, 30% tại Nhật Bản, trong khi tăng trưởng tại châu Á-Thái Bình Dương dự kiến đi ngang.
- FPT đặt mục tiêu tăng doanh thu/nhân sự thêm 10-12% mỗi năm, thông qua việc triển khai các dự án cổ quy mô lớn và giá trị cao hơn, kết hợp với nâng cao năng suất nhờ công cụ trợ lý lập trình AI, nhằm thu hẹp khoảng cách năng suất so với các đối thủ.

Sự kiện: Hội nghị HSC Emerging Vietnam 2025

FPT đã tham dự và trình bày tại hội nghị HSC Emerging Vietnam 2025 với các nội dung chính như sau:

Mảng dịch vụ CNTT nước ngoài chưa phục hồi rõ rệt

Từ đầu năm đến nay, mảng dịch vụ CNTT nước ngoài vẫn yếu hơn kỳ vọng với tăng trưởng doanh thu chỉ đạt 14,7% trong 5 tháng đầu năm 2025, thấp hơn nhiều so với kế hoạch ban đầu của FPT là 25%. Do đó, FPT hiện đánh giá mức tăng trưởng 15% cho cả năm là mục tiêu khả thi hơn đối với mảng kinh doanh này. Kỳ vọng điều chỉnh này cũng phù hợp với dự báo hiện tại của HSC là doanh thu tăng trưởng 14,7%, tương ứng đạt 35.516 tỷ đồng trong năm nay. Theo từng thị trường:

- Nhật Bản** (đóng góp 44% doanh thu mảng CNTT nước ngoài và 22% tổng doanh thu hợp nhất của FPT) tiếp tục là thị trường ổn định nhất đối với FPT. Trong 5 tháng đầu năm 2025, doanh thu tại Nhật Bản tăng trưởng 30% so với cùng kỳ và FPT tin rằng đà tăng trưởng này sẽ tiếp diễn trong năm 2025 và dài hạn. Thị phần hiện tại của FPT tại Nhật ước tính khoảng 1,1%, vẫn còn dư địa tăng trưởng lớn nhờ nhu cầu chuyển đổi số mạnh mẽ tại Nhật Bản. Các đối thủ chính của FPT tại đây là các công ty Nhật (như Fujitsu, Orion) và các nhà cung cấp dịch vụ CNTT đến từ Trung Quốc.
- Châu Âu** (đóng góp 9% doanh thu mảng CNTT nước ngoài và 4% tổng doanh thu hợp nhất) ghi nhận mức tăng trưởng trên 20% so với cùng kỳ nhờ so với mức nền thấp. Gần đây, công ty đã ký thỏa thuận hợp tác chiến lược với Airbus, tạo tiền đề tốt để mở rộng quy mô hợp đồng tại khu vực này trong các năm tới.
- Mỹ** (đóng góp 25% doanh thu mảng CNTT nước ngoài và 13% doanh thu hợp nhất) đang cho thấy tín hiệu phục hồi, dự kiến rõ nét hơn từ Q3/2025 khi bất ổn về thuế quan được giải tỏa. Từ đầu năm đến nay, doanh thu từ thị trường Mỹ đã tăng 7-8% so với cùng kỳ.
- Châu Á-Thái Bình Dương** (đóng góp 22% doanh thu mảng CNTT nước ngoài và 11% doanh thu hợp nhất) là thị trường bị ảnh hưởng nặng nề nhất do bất ổn kinh tế vĩ mô toàn cầu. Điều này thể hiện đặc biệt rõ ràng ở Singapore và Hàn Quốc, là hai quốc gia vốn có độ phụ thuộc cao vào thương mại và dễ bị tổn thương trước biến động thuế quan. Dù vậy, hợp đồng số hóa ngân hàng quy mô lớn kéo dài 3 năm mới được ký tại khu vực châu Á-Thái Bình Dương được kỳ vọng sẽ phần nào hỗ trợ đà tăng trưởng doanh thu ký mới kể từ Q3/2025.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 21/6.

(Xem tiếp trang 2)

Trong bối cảnh thách thức vĩ mô toàn cầu, khách hàng đang có xu hướng ưu tiên các dự án “phải có” hơn là “nên có”, khiến tốc độ tăng trưởng tại một số mảng bị chậm lại. Ngoài ra, thị trường cũng đang chuyển dịch từ các hệ thống ERP lớn, tích hợp toàn diện sang các mô đun nhỏ hơn, gọn nhẹ và ưu tiên các dự án trên nền tảng điện toán đám mây. Nhờ có sự hiện diện đa dạng trên nhiều thị trường, FPT có thể phần nào giảm thiểu tác động từ nhu cầu suy yếu.

FPT giành được hợp đồng chủ yếu thông qua việc cam kết đồng hành cùng thành công của khách hàng, đồng thời nhấn mạnh năng lực kỹ thuật vững mạnh đi kèm với giá thành cạnh tranh, thường thấp hơn khoảng 15-20% so với đối thủ nhờ lợi thế về chi phí nhân công rẻ và hiệu quả. Bên cạnh đó, sự tương đồng văn hóa với các quốc gia châu Á và các thị trường không sử dụng tiếng Anh cũng giúp FPT có lợi thế cạnh tranh rõ rệt so với một số đối thủ đến từ Ấn Độ.

FPT đặt mục tiêu tăng năng suất lao động 10–12% mỗi năm

Theo FPT, khi so sánh năng suất với các đối thủ, kỹ sư Việt Nam có thể mạnh trong khâu triển khai nhưng vẫn hạn chế ở khâu tư vấn và thiết kế, chủ yếu do thiếu kiến thức chuyên sâu trong các lĩnh vực đặc thù, so với các kỹ sư Ấn Độ. Chính sự chênh lệch này đã dẫn đến khoảng cách đáng kể về doanh thu bình quân đầu người hằng năm: khoảng 40.000 USD đối với kỹ sư Việt Nam, so với 55.000-60.000 USD đối với kỹ sư Ấn Độ, và khoảng cách này có xu hướng nới rộng theo cấp độ kinh nghiệm.

Để khắc phục, FPT đang tích cực thực hiện các thương vụ mua lại chiến lược các công ty châu Âu có thế mạnh về tư vấn, như David Lamm Consulting trong lĩnh vực năng lượng và một công ty Pháp chuyên về hàng không. Song song đó, FPT cũng đang phát triển năng lực tư vấn nội bộ, dù đây là quá trình cần nhiều thời gian với trọng tâm hiện tại là thị trường trong nước thông qua các sáng kiến như FPT Digital.

FPT kỳ vọng tăng doanh thu bình quân đầu người khoảng 10–12% mỗi năm nhờ vào các dự án quy mô lớn, giá trị cao hơn, kết hợp với tăng năng suất nhờ các công cụ hỗ trợ như trợ lý lập trình ứng dụng AI.

Đóng góp từ mảng AI vẫn còn khiêm tốn

Hiện tại, doanh thu hằng năm của FPT từ các dự án liên quan đến AI chỉ đạt khoảng 60-70 triệu USD, vẫn khiêm tốn so với doanh thu hợp nhất năm 2024 là 2,5 tỷ USD.

AI chủ yếu tác động đến phân khúc giá trị thấp trong dịch vụ của FPT, chẳng hạn như các tác vụ lập trình cơ bản hoặc kiểm thử phần mềm. Nhờ tự động hóa kiểm thử, số lượng kiểm thử viên thủ công trong một dự án có thể giảm từ 10 xuống còn 3-5 người. Ở chiều tích cực, FPT đã phát triển công cụ trợ lý lập trình nội bộ để giúp lập trình viên kiểm tra mã nhanh hơn, đồng thời phát triển các mô hình AI chuyên biệt, ví dụ như mô hình ngôn ngữ lớn được huấn luyện với kiến thức liên quan đến cobalt cho thị trường Nhật Bản, hỗ trợ kỹ sư trẻ tiếp cận hệ thống cũ. AI còn đem lại cơ hội trong làm sạch dữ liệu, phân tích dữ liệu, tinh chỉnh hoặc huấn luyện dữ liệu.

Tuy nhiên, một thách thức lớn là tốc độ ứng dụng AI của doanh nghiệp còn chậm. Trong bối cảnh kinh tế khó khăn, các công ty thường ngần ngại đầu tư vào công nghệ mới, và có xu hướng chờ đợi cho đến khi thấy rõ hiệu quả vượt trội so với các giải pháp tự động hóa hoặc lập trình truyền thống. Dù tiềm năng của AI là rất lớn và FPT vẫn đang chờ đợi làn sóng đầu tư mạnh hơn từ phía khách hàng doanh nghiệp nhưng tác động toàn diện từ làn sóng AI vẫn chưa thực sự lan tỏa tới các nhà cung cấp dịch vụ CNTT như FPT. Nguyên nhân chính là vì công việc của FPT hiện chủ yếu xoay quanh việc tinh chỉnh và tích hợp các mô hình AI sẵn có, thay vì phát triển mô hình từ đầu, vì thế các nhà sản xuất phần cứng và nhà cung cấp nền tảng AI mới là những bên hưởng lợi lớn nhất trong giai đoạn đầu của làn sóng AI.

Tăng trưởng mảng giáo dục dự báo đi ngang trong năm 2025

Thị trường giáo dục tại Việt Nam đang trở nên cạnh tranh hơn, đặc biệt là từ các cơ sở giáo dục công lập. FPT cũng đưa ra kế hoạch thận trọng cho mảng Giáo dục với mức tăng trưởng đi ngang, sát với dự báo của HSC là doanh thu mảng năm 2025 đạt 7,1 nghìn tỷ đồng.

Trong cơ cấu mảng giáo dục, giáo dục phổ thông được đánh giá là lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao, nhờ nhu cầu vượt khả năng đáp ứng của hệ thống công lập, tạo dư địa mở rộng cho các trường tư. Ngược lại, giáo dục đại học đang phải đối mặt với áp lực cạnh tranh lớn hơn. Do đó, FPT sẽ tăng cường tập trung vào mảng giáo dục phổ thông trong thời gian tới, đặc biệt là mở rộng tại các tỉnh thành để thúc đẩy tăng trưởng tuyển sinh.

HSC đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

HSC duy trì dự báo cho năm 2025 với doanh thu thuần đạt 71 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 13,1%) và lợi nhuận thuần đạt 9.051 tỷ đồng (tăng trưởng 15,2%). FPT hiện giao dịch ở mức P/E trượt dự phóng 1 năm là 19,3 lần và có P/E dự phóng năm 2026 là 17,9 lần - thấp hơn 25% so với bình quân các doanh nghiệp cùng ngành, cho thấy mức định giá vẫn tương đối hấp dẫn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	52,618	62,849	71,099	81,696	94,082
Lợi nhuận gộp	20,320	23,698	26,965	31,021	35,548
Chi phí BH&QL	(11,868)	(13,190)	(15,299)	(17,547)	(20,186)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	8,452	10,508	11,666	13,474	15,362
Lãi vay thuần	618	124	631	653	872
Lãi/nỗ trong Cty LD,LK	42.3	393	540	695	873
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	91.3	44.6	50.4	58.0	66.7
LN TT	9,203	11,070	12,887	14,880	17,174
Chi phí thuế TNDN	(1,415)	(1,642)	(1,981)	(2,344)	(2,754)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(1,323)	(1,571)	(1,855)	(2,117)	(2,345)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	6,465	7,857	9,051	10,418	12,075
Lợi nhuận thuần ĐC	6,449	7,849	9,042	10,408	12,063
EBITDA ĐC	10,738	13,044	14,981	17,061	19,725
EPS (đồng)	4,661	4,917	5,621	6,470	7,500
EPS ĐC (đồng)	4,052	4,917	5,621	6,470	7,500
DPS (đồng)	2,000	2,000	2,500	2,500	3,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	1,267	1,471	1,481	1,481	1,481
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,481	1,481	1,481
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	1,270	1,471	1,481	1,481	1,481

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	8,279	9,315	14,214	17,252	22,908
Đầu tư ngắn hạn	16,104	21,785	26,142	31,371	37,645
Phải thu khách hàng	9,674	11,382	12,842	15,226	17,534
Hàng tồn kho	1,593	1,857	2,133	2,451	2,822
Các tài sản ngắn hạn khác	1,055	1,197	1,422	1,634	1,882
Tổng tài sản ngắn hạn	36,706	45,536	56,753	67,933	82,791
TSCĐ hữu hình	13,697	15,334	17,551	17,539	17,173
TSCĐ vô hình	1,257	2,040	2,009	1,928	1,782
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,227	1,037	1,179	1,308	1,443
Đầu tư vào Cty LD,LK	2,108	2,281	2,395	2,515	2,641
Tài sản dài hạn khác	5,288	5,772	5,350	5,705	6,198
Tổng tài sản dài hạn	23,577	26,464	28,485	28,995	29,237
Tổng cộng tài sản	60,283	72,000	85,238	96,928	112,028
Nợ ngắn hạn	13,838	14,446	19,197	20,424	23,520
Phải trả người bán	2,603	4,424	4,996	5,740	6,610
Nợ ngắn hạn khác	11,176	13,105	14,637	16,818	19,368
Tổng nợ ngắn hạn	29,652	34,836	42,136	46,782	53,875
Nợ dài hạn	208	501	1,000	1,000	1,000
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	246	357	428	514	617
Nợ dài hạn khác	175	315	356	409	471
Tổng nợ dài hạn	629	1,173	1,784	1,923	2,088
Tổng nợ phải trả	30,350	36,272	43,920	48,705	55,963
Vốn chủ sở hữu	24,974	29,794	34,494	40,376	47,041
Lợi ích cổ đông thiểu số	4,959	5,933	6,823	7,847	9,024
Tổng vốn chủ sở hữu	29,933	35,728	41,318	48,223	56,065
Tổng nợ phải trả và VCSH	60,283	72,000	85,238	96,928	112,028
BVPS (đ)	19,665	20,253	23,286	27,256	31,756
Nợ thuần*/(tiền mặt)	5,767	5,632	5,983	4,172	1,613

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	8,452	10,508	11,666	13,474	15,362
Khấu hao	(2,287)	(2,535)	(3,315)	(3,587)	(4,363)
Lãi vay thuần	618	124	631	653	872
Thuế TNDN đã nộp	(1,415)	(1,642)	(1,981)	(2,344)	(2,754)
Thay đổi vốn lưu động	678	303	(918)	(1,456)	(1,224)
Khác	(1,102)	(125)	(981)	(1,394)	(1,490)
LCT thuần từ HĐKD	9,517	11,704	11,730	12,520	15,130
Đầu tư TS dài hạn	(3,978)	(3,275)	(5,897)	(3,977)	(4,439)
Góp vốn & đầu tư	(35,290)	(43,063)	(4,471)	(5,348)	(6,400)
Thanh lý	30,582	36,346	0	0	0
Khác	2,137	1,530	1,990	2,320	2,712
LCT thuần từ HĐĐT	(6,548)	(8,462)	(8,378)	(7,006)	(8,126)
Cổ tức trả cho CSH	(2,931)	(3,292)	(3,703)	(3,703)	(4,444)
Thu từ phát hành CP	73.1	163	0	0	0
Tăng/giảm nợ	1,719	933	5,249	1,227	3,096
Khác	(30.2)	(2.31)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(1,168)	(2,198)	1,546	(2,476)	(1,348)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	6,440	8,279	9,315	14,214	17,252
LCT thuần trong kỳ	1,800	1,044	4,899	3,038	5,656
Ảnh hưởng của tỷ giá	38.6	(7.92)	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	8,279	9,315	14,214	17,252	22,908
Dòng tiền tự do	5,539	8,428	5,833	8,542	10,691

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	38.6	37.7	37.9	38.0	37.8
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.4	20.8	21.1	20.9	21.0
Tỷ suất LNT (%)	12.3	12.5	12.7	12.8	12.8
Thuế TNDN hiện hành (%)	15.4	14.8	15.4	15.8	16.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	19.6	19.4	13.1	14.9	15.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	24.5	21.5	14.9	13.9	15.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	21.7	21.7	15.2	15.1	15.9
Tăng trưởng EPS (%)	5.24	5.47	14.3	15.1	15.9
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	21.2	21.3	14.3	15.1	15.9
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	25.0	0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	42.9	40.7	44.5	38.6	40.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.1	28.7	28.2	27.8	27.6
ROACE (%)	29.3	31.0	29.1	28.9	28.4
Vòng quay tài sản (lần)	0.94	0.95	0.90	0.90	0.90
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	1.13	1.11	1.01	0.93	0.98
Số ngày tồn kho	18.0	17.3	17.6	17.7	17.6
Số ngày phải thu	109	106	106	110	109
Số ngày phải trả	29.4	41.2	41.3	41.3	41.2
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	25.5	20.8	19.4	12.4	5.43
Nợ/tài sản (%)	24.3	21.5	24.5	22.9	22.7
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.36	1.19	1.40	1.30	1.29
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.31	1.35	1.45	1.54
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.91	2.80	2.50	2.15	1.84
EV/EBITDA ĐC (lần)	14.3	13.5	11.9	10.3	8.79
P/E (lần)	24.9	23.6	20.6	17.9	15.5
P/E ĐC (lần)	28.6	23.6	20.6	17.9	15.5
P/B (lần)	5.90	5.73	4.98	4.26	3.65
Lợi suất cổ tức (%)	1.72	1.72	2.16	2.16	2.59

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn